

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài

Bà Đào Thị Giang.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Sùng A Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 336/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2021/QĐST – HNGĐ ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Tú C** – sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu C, ấp HL, xã HT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân T** – sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu C, ấp HL, xã HT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(*chị C, anh T cùng vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Nguyên đơn chị Trần Thị Tú Cầm trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn ngày 14/5/2010 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm nhau, thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2019 đến nay mặc dù vợ chồng sống cùng nhà với nhau nhưng không ai thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay tình cảm của chị C đối với anh T không còn nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là Nguyễn Chí T, sinh ngày: 01/6/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày: 17/3/2017.

Khi ly hôn chị C yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Minh T, chị Cẩm đồng ý giao cháu Nguyễn Chí T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và C tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn ngày 14/5/2010 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm nhau, thường xuyên cãi nhau, nhiều lần xúc phạm nhau, ngoài ra chị C còn có dấu hiệu không chung thủy. Từ cuối năm 2020 đến nay mặc dù vợ chồng sống cùng nhà với nhau nhưng không ai thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay tình cảm của anh Thịnh đối với chị C không còn nên chị Cẩm yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là Nguyễn Chí T, sinh ngày: 01/6/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày: 17/3/2017. Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

- Về nội dung: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị C là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị C được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu T cho chị Cẩm nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị Tú Cẩm yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân T sinh năm: 1982 có nơi cư trú tại: Khu c, ấp HL, xã HT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – là chị Trần Thị Tú C có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31 tháng 5 năm 2021. Bị đơn – anh Nguyễn Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

### 3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14 tháng 5 năm 2010, hôn nhân của chị C và anh T phù hợp với các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị C giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

Chị C và anh T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do không có sự tin tưởng nhau về vấn đề kinh tế lẫn tình cảm, vợ chồng không có sự thông cảm và chia sẻ. Từ cuối năm 2019, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai người đó sống, vợ chồng không thương yêu, quý trọng nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

Từ những nhận định, phân tích trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tú C.

3.2 - Về con chung: Chị C và anh T có 02 (hai) con chung là Nguyễn Chí T, sinh ngày: 01/6/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày: 17/3/2017. Hiện cháu T đang được chị C trực tiếp chăm sóc. Đối với cháu T có nguyện vọng mong muốn được ở chung với anh T. Vì vậy để ổn định cuộc sống của con trẻ, đảm bảo cho con có môi trường sống và phát triển tốt nhất, cần tiếp tục giao cháu T cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu T cho anh T trực tiếp chăm sóc là đúng theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của anh T về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

**3.3.** Về tài sản chung, nợ chung: Chị C, anh T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4]** Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị Cẩm phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**[5]** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 220; 227; 228; 264; 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tú C đối với anh Nguyễn Xuân T về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

### **Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tú C được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày: 17/3/2017 cho chị Trần Thị Tú C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày: 01/6/2011 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Nguyễn Xuân T, chị Trần Thị Tú C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị Trần Thị Tú C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Cẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007502 ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

**5.** Chị C, anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAT, THA, VKS;
- Đường sự;
- UBND xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Và Kíu**

